

## Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### 1. Giới thiệu chung về dự toán và gói thầu:

- Tên dự toán: Kiểm nghiệm các thông số chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2025.

- Tên gói thầu: Kiểm nghiệm các thông số chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2025.

- Địa điểm lấy mẫu kiểm nghiệm: Lấy mẫu trực tiếp tại các nhà máy nước có công suất thiết kế trên 1000 m<sup>3</sup>/ngày đêm và các trạm cấp nước sạch tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi do Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi quản lý.

- Địa điểm trả kết quả kiểm nghiệm: Tại Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi; Số 122 Nguyễn Văn Linh, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi.

- Nguồn vốn: Nguồn kinh phí theo Quyết định số 216/QĐ-SYT ngày 24/7/2025 của Giám đốc Sở Y tế Quảng Ngãi về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước và chi ngân sách địa phương năm 2025 Ngành Y tế.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh qua mạng.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

### 2. Mục tiêu công việc

Thực hiện các kiểm nghiệm nước theo quy chuẩn của Quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCĐP 01:2023/QNg) và Thực hiện theo QCVN 01-1:2024/BYT được ban hành kèm theo Thông tư 52/2024/TT- BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép	Số lượng mẫu	Phương pháp phân tích, số hiệu tiêu chuẩn
1	Coliforms	CFU/100 ml	<3	57	- Phương pháp thử nghiệm áp dụng Quyết
2	E.Coli	CFU/100 ml	<1	57	
3	Arsenic (As)	mg/l	0,01	57	
4	Clo dư tự do	mg/l	Trong khoảng 0,2 - 1,0	57	
5	Độ đục	NTU	2	57	
6	Màu sắc	TCU	15	57	
7	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	57	

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép	Số lượng mẫu	Phương pháp phân tích, số hiệu tiêu chuẩn
8	pH	-	Trong khoảng 6,0-8,5	57	định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCĐP 01:2023/QNg) về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
9	Tụ cầu vàng ( <i>Staphylococcus Aureus</i> )	CFU/100ml	< 1	57	
10	Trực khuẩn mù xanh ( <i>Pseudomonas Aeruginosa</i> )	CFU/100ml	< 1	57	
11	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/l	0,3	57	
12	Bari (Ba)	mg/L	0,7	57	
13	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	mg/L	0,3	57	
14	Chỉ số pecmanganat (KMnO <sub>4</sub> )	mg/l	2	57	
15	Clorua (Chloride) (Cl <sup>-</sup> )	mg/l	250 (Hải đảo hoặc Ven biển: 300)	57	
16	Độ cứng, tính theo CaCO <sub>3</sub>	mg/l	300	57	
17	Fluor (F)	mg/L	1,5	57	
18	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/l	2	57	
19	Mangan (Mn)	mg/l	0,1	57	
20	Natri (Na)	mg/l	200	57	
21	Nhôm (Aluminium) (Al)	mg/l	0,2	57	
22	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N)	mg/l	2	57	
23	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> tính theo N)	mg/l	0,05	57	
24	Sắt (Ferrum) (Fe <sup>2+</sup> + Fe <sup>3+</sup> )	mg/l	0,3	57	
25	Sunphat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	mg/l	250	57	
26	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1000	57	
27	Phenol và dẫn xuất của Phenol	µg/l	1	57	
28	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine	µg/l	100	57	
29	Chlorpyrifos	µg/l	30	57	
30	Permethrin	µg/l	20	57	
31	Bromodichloromethane	µg/l	60	57	
32	Bromoform	µg/l	100	57	
33	Chloroform	µg/l	300	57	
34	Dibromochloromethane	µg/l	100	57	
35	Formaldehyde	µg/l	900	57	

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép	Số lượng mẫu	Phương pháp phân tích, số hiệu tiêu chuẩn
36	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/l	0,1	57	
37	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	1,0	57	
38	Monochloramine	mg/l	3,0	57	Thực hiện theo QCVN 01-1:2024/BYT được ban hành kèm theo Thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế

### 3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

- Nhà thầu chịu trách nhiệm về việc quản lý, triển khai nhân lực đảm bảo hiệu quả công việc lấy mẫu, vận chuyển mẫu và phân tích kiểm nghiệm đảm bảo đáp ứng thời gian cũng như các yêu cầu về kỹ thuật khác, tiến độ của gói thầu.

- Nhà thầu thực hiện phân tích 38 thông số chất lượng nước sạch theo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCDP 01:2023/QNg) về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được ban hành kèm theo Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

- Trả kết quả trong vòng 10 -15 ngày làm việc tính từ ngày lấy mẫu.

### 4. Giải pháp và tham luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương V, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;
2. Kế hoạch công tác.

### 5. Quy trình về kiểm tra và nghiệm thu sản phẩm:

*Bảng kê khai các thông số đáp ứng ISO 1705:2017 đính kèm số Quyết định công nhận và vị trí trong Quyết định công nhận.*

TT	Tiêu chí đánh giá	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt
1	Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc; Mức độ đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ.	Có thuyết minh đầy đủ, rõ ràng, hợp lý, nhà thầu đảm bảo năng lực thử nghiệm các thông số ứng với gói thầu đang xét, tất cả các thông số phân tích phải được công nhận TCVN ISO/IEC 17025:2017 trên nền mẫu nước sạch tại Chương V “Yêu cầu kỹ thuật”.	X	



TT	Tiêu chí đánh giá	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt
		Không đáp ứng yêu cầu trên.		X
2	Tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ, tiến độ thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Có đề xuất kế hoạch, tiến độ và biện pháp cung cấp dịch vụ phù hợp, khả thi theo yêu cầu tại E-HSMT.	X	
		Không có đề xuất kế hoạch, tiến độ và biện pháp cung cấp dịch vụ, hoặc: Có đề xuất kế hoạch, tiến độ và biện pháp cung cấp dịch vụ nhưng không phù hợp, không thống nhất hoặc không khả thi.		X
3	Năng lực hoạt động khoa học và công nghệ.	- Có Quyết định công nhận phù hợp theo TCVN ISO/IEC 17025-2017 (đính kèm quyết định công nhận) còn hiệu lực.  - Có Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học & Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành còn hiệu lực.  - Danh mục các phép thử được cơ quan có chức năng công nhận phù hợp.	X	
		Không đáp ứng yêu cầu.		X
4	Năng lực hoạt động thử nghiệm.	Có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (tất cả các phép thử liên quan đến gói thầu đang xét phải được đăng ký hoạt động thử nghiệm) theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP của Chính phủ.	X	
		Không đáp ứng yêu cầu.		X
5	Năng lực phòng thí nghiệm.	- Có quyết định công nhận phòng thí nghiệm đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017.  - Thông số về phân tích chất lượng nước theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT phải đạt 100% thông số (38	X	

TT	Tiêu chí đánh giá	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt
		<p>thông số tại gói thầu này) được công nhận ISO/IEC 17025:2017.</p>		
		<p>Không đáp ứng yêu cầu.</p>		X
6	<p>Cam kết về thời gian, địa điểm lấy mẫu và trả kết quả thí nghiệm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm lấy mẫu kiểm nghiệm tại công trình cấp nước sạch do Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi quản lý, sử dụng.</li> <li>- Địa điểm trả kết quả kiểm nghiệm Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi, Số 122 Nguyễn Văn Linh, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi.</li> <li>- Thời gian giao kết quả thí nghiệm: Tối đa 10 ngày làm việc (tính từ ngày lấy mẫu).</li> <li>- Có Bảng tiến độ cung cấp kết quả thí nghiệm hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.</li> <li>- Nhà thầu phải cam kết: Nếu nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu như đã đề xuất trong E-HSDT. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác.</li> </ul>	X	
		<p>Thiếu bất kỳ 01 cam kết nào theo yêu cầu.</p>		X
7	<p>Yêu cầu về bình chứa mẫu</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu là thủy tinh hoặc nhựa hoặc vật liệu khác nhưng không gây phản ứng với các chất nào đó trong mẫu và không gây giải phóng ra bất kì hóa chất nào gây ức chế hoạt tính sinh học, làm chết hoặc kích thích tăng trưởng của vi sinh vật.</li> <li>- Luôn luôn phải sử dụng bình chứa tiệt trùng, khô ráo, được loại bỏ các</li> </ul>	X	

TT	Tiêu chí đánh giá	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt
		bụi bẩn, không chứa các thành phần làm sai khác kết quả thí nghiệm.		
8	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu và thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó tính từ 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu.	Nhà thầu phải cam kết: Không có gói thầu nào không thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng và không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu.	X	
9	Người phụ trách kỹ thuật có thẩm quyền ký tên trong Kết quả kiểm nghiệm mẫu nước (Kết quả phân tích mẫu nước) theo quyết định ISO/IEC 17025:2017	Có chuyên môn về lĩnh vực hoá từ trình độ Thạc sĩ trở lên.	X	
		Không có chuyên môn về lĩnh vực hoá từ trình độ thạc sĩ trở lên.		X
<b>Kết luận</b>		Đạt tất cả các yêu cầu nội dung đánh giá nêu trên.	<b>Đạt</b>	
		Không đạt một trong các nội dung đánh giá nêu trên.		<b>Không đạt</b>

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

### BỘ PHẬN KỸ THUẬT

  
 Bùi Thị Thủy Hương  
  
 Lê Thị Mỹ Duyên